TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BẾN CÁT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2024/HS-ST
Ngày: 21-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Thắm;

2/ Ông Lê Văn Đặng .

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 264/2023/TLST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Bùi Văn T, sinh năm 1981, tại tỉnh Bạc Liêu; HKTT: Ấp I, xã P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu; Chỗ ở: Khu phố D, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn C (đã chết) và bà Đỗ Thị C1, sinh năm 1946; bị cáo có vợ tên Lê Thị N, sinh năm 1982; bị cáo có 02 con (lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2013); tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 08/9/2020, bị cáo Bùi Văn T bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 14 tháng. Bị cáo T chấp hành quyết định tại Cơ sở cai nghiện ma túy – Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh B đến ngày 22/09/2021 thì chấp hành xong; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Lê Tấn Đ, sinh năm 1997, tại tỉnh Bình Dương; HKTT: Khu phố A, phường H, thị xã B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H (đã chết) và bà Phan Thị H1, sinh năm1968; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 26/4/2012, bị cáo Lê Tấn Đ bị Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định đưa vào trường giáo dưỡng thời hạn 24 tháng. Bị cáo Đ chấp hành tại Trường G đến ngày 28/01/2014 thì chấp hành xong.

- Ngày 16/8/2017, bị cáo Lê Tấn Đ bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 16 tháng. Bị cáo Đ chấp hành quyết định tại Cơ sở cai nghiện ma túy – Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh B đến ngày 18/01/2019 thì chấp hành xong.

- Ngày 25/10/2019, bị cáo Lê Tấn Đ bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 16 tháng. Bị cáo Đ chấp hành quyết định tại Cơ sở cai nghiện ma túy – Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh B đến ngày 28/02/2021 thì chấp hành xong;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/6/2023 cho đến nay. Bị cáo có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Lê Thị Bé C2, sinh năm 1991; HKTT: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở hiện nay: Phòng trọ số 2, nhà trọ không tên, đường D, khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Bà Hồ Thị Thu T1, sinh năm 2001; HKTT: Tổ F, khu phố E, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

+ Ông Lư Quốc B, sinh năm 1995; HKTT: Khu phố E, phường C, thị xã B, tỉnh Bình Dương. Yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Lê Tấn Đ là đối tượng sử dụng ma túy đá (ma túy loại Methamphetamine) và không có nghề nghiệp. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, bị cáo T đã đi mua ma túy về bán lại để kiếm lời.

Khoảng 18 giờ ngày 09/6/2023, bị cáo T đang ở phòng trọ số G nhà T thuộc khu phố D, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương thì sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Realme, gắn sim thuê bao số 0963172072 đăng ký Zalo tên

"Toàn Tony", gọi cho đối tượng tên Đ1 (không rõ lai lịch) hỏi mua 500.000 đồng ma túy đá thì Đ1 hẹn bị cáo T đến khu vực gần cổng sau khu du lịch Đại Nam để bán. Sau đó, bị cáo T thuê xe mô tô G1 đi đến điểm hẹn gặp Đ1 mua được 01 túi nylon miệng kéo dính chứa ma túy đá với số tiền 500.000 đồng, rồi đem về cất giấu vào trong hộp giấy màu xanh cùng với bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn ở góc phòng trọ của mình. Chiều ngày 10/6/2023, bị cáo T đem theo hộp giấy bên trong có sẵn bộ dụng cụ sử dụng ma túy và túi nylon chứa ma túy đá đến thuê phòng số 203, khách sạn Â1, C, thuộc khu phố C, phường M, thị xã B để ở và sử dụng ma tuý. Khoảng 05 giờ sáng ngày 11/6/2023, bị cáo T gọi điện thoại cho bạn gái là Lê Thị Bé C2 đến phòng 203 khách sạn Â2 thì C2 đồng ý đến và ở lại chơi với bị cáo T.

Khoảng 23 giờ ngày 11/6/2023, bị cáo Đ mượn xe mô tô (không rõ biển số) của bạn tên B1 (không rõ lai lịch) là bạn quen biết với bị cáo Đ và bị cáo T, chở bạn gái là Hồ Thị Thu T1 đến thuê phòng 403, khách sạn Â1 để ngủ. Khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, B1 đến phòng 203 gặp bị cáo T hỏi mượn tiền nhưng bị cáo T không có tiền cho mượn thì B1 ngồi lại chơi. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/6/2023, B1 gọi điện thoại cho bị cáo Đ để lấy xe mô tô về thì bị cáo Đ và T1 xuống phòng 203 khách sạn Âu Lạc đưa chìa khóa xe cho B1 đi về. Lúc này, trong phòng của bị cáo T còn lại bị cáo T, C2, bị cáo Đ, T1 ngồi chơi nói chuyện với nhau thì bị cáo T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong đã có sẵn ma túy đá và rủ bị cáo Đ, C2, T1 cùng nhau sử dụng. Sau khi sử dụng ma túy xong, bị cáo Đ và T1 lên phòng 403 ngủ. Khoảng 09 giờ ngày 12/6/2023, bị cáo T và C2 chuyển xuống thuê phòng 008 khách sạn Â1 ở. Tại đây, bị cáo T điện thoại cho bạn là Lư Quốc B hỏi mượn xe mô tô đi công việc thì B đồng ý. Khoảng 11 giờ cùng ngày, B điều khiển xe mô tô của mình đến khách sạn Â1 rồi đi lên phòng số 008 thì thấy bị cáo T đang ngồi chơi điện thoại còn C2 đang ngủ. Bị cáo T và B ngồi nói chuyện được khoảng 15 phút thì bị cáo T lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong đã có sẵn ma túy đá rủ B cùng sử dụng. Lúc này, bị cáo Đ đang ở phòng 403, sử dụng điện thoại Samsung A8, gắn sim thuê bao số 0876257942, đăng ký Zalo "Tấn Đạt" nhắn tin qua Zalo "Toàn T2" của bị cáo T hỏi mua nợ 600.000 đồng ma túy thì bị cáo T đồng ý và lấy một ít ma túy đá trong túi nylon miệng kéo dính bỏ vào gói nylon rồi hàn kín lại, sau đó bị cáo T cầm đem lên cửa phòng 403 gọi bị cáo Đ ra lấy. Bị cáo Đ lấy gói ma túy đá cất vào túi quần đang mặc rồi quay vào phòng ngồi chơi điện thoại. Lúc này, T1 vẫn đang nằm ngủ nên không biết bị cáo Đ mua ma túy của bị cáo T.

Khoảng 12 giờ cùng ngày, khi bị cáo Đ đang ngồi chơi điện thoại và T1 đang ngủ ở trong phòng 403 khách sạn Â1 thì bị lực lượng Công an phường M, thị xã B phối hợp với lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thị xã B vào kiểm tra phát hiện và bắt giữ cùng tang vật, gồm: 01 gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng trong túi quần bên trái của bị cáo Lê Tấn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8, gắn sim thuê bao số 0876257942 của Lê Tấn Đ.

Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 12/6/2023, lực lượng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thị xã B tiến hành khám xét khẩn cấp phòng số 008 khách sạn Â1 do bị cáo Bùi Văn T thuê ở, phát hiện thu giữ: 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy tại vị trí dưới nền nhà vệ sinh; 01 túi nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng để bên trong hộp giấy màu xanh đặt trên bàn gỗ cạnh giường ngủ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme, gắn sim thuê bao số 0963172072 của bị cáo Bùi Văn T.

Ngày 12/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 217/QĐ-CQĐT-KTMT và 218/QĐ-CQĐT-KTMT gửi Phòng K - Công an tỉnh B để giám định tinh thể màu trắng đựng trong 02 túi nylon miệng kéo dính thu giữ nói trên.

Tại Kết luận giám định số 322/KL-KTHS ngày 20/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể (bị thu giữ trong phòng của Bùi Văn T) gửi giám định là ma tuý, có khối lượng là 3,1383 gam Methamphetamine; Mẫu vật sau giám định: 2,7569 gam Methamphetamine.

Tại Kết luận giám định số 323/KL-KTHS ngày 20/6/2023 của Phòng K Công an tỉnh B, kết luận: Mẫu tinh thể (bị thu giữ trên người của Lê Tấn Đ) gửi giám định là ma tuý, có khối lượng là 0,5515 gam Methamphetamine; Mẫu vật sau giám định: 0,4101 gam Methamphetamine.

Quá trình điều tra, bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Lê Tấn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án. Bị cáo T khai mục đích bị cáo T mua ma túy về để sử dụng và bán lại cho người khác để kiếm lời.

Ngày 30/6/2023, Công an thị xã B đã ra Quyết định xử phạt hành chính, phạt tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với Lê Thị Bé C2, Hồ Thị Thu T1 và Lư Quốc B.

* Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSBC ngày 07/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Tấn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 09 năm đến 10 năm tù.

+ Áp dụng điểm khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 04 năm đến 05 năm tù.

+ Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- *Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:*

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 bì thư niêm phong ghi số 322/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Bùi Văn T, chữ ký người chứng kiến Lê Thị Bé C2, Lư Quốc B, chữ ký cán bộ niêm phong Bùi Trung C3, đại úy Phạm Văn T3 (Phó trưởng công an) và hình dấu tròn đỏ của công an phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; 01 bì thư niêm phong ghi số 323/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Lê Tấn Đ, chữ ký người chứng kiến Hồ Thị Thu T1, chữ ký cán bộ niêm phong Lưu Công Dũng, Trung tá Hà Trọng Â (Trưởng công an) và dấu tròn đỏ của công an phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương; 01 bộ sử dụng ma túy; 01 sim thuê bao số 0876257942 của bị cáo Lê Tấn Đ; 01 sim thuê bao số 0963172072 của bị cáo Bùi Văn T;

+ Tịch nộp Ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A8 của bị cáo Lê Tấn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme của bị cáo Bùi Văn T.

* Tại phiên tòa, các bị cáo Bùi Văn T, Lê Tấn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng số 03/CT-VKSBC ngày 07/12/2023 của Viện Kiểm sát nhân nhân thị xã B, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, các bị cáo nói lời nói sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên toà, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 12/6/2023, tại phòng 203 khách sạn Â1, cạnh đường D, thuộc khu phố C, phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương, bị cáo Bùi Văn T đã có hành vi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong đã có sẵn ma túy đá (ma túy loại Methamphetamine) của T rủ bị cáo Lê Tấn Đ, Lê Thị Bé C2, Hồ Thị Thu T1 sử dụng. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, tại phòng số 008 khách sạn Â1, bị cáo T tiếp tục có hành vi lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy bên trong đã có sẵn ma túy đá của mình rủ Lư Quốc B cùng sử dụng. Khoảng 11 giờ 15 phút ngày 12/6/2023,

bị cáo Bùi Văn T có hành vi đem 0,5515 gam ma túy loại Methamphetamine đến phòng 403 bán thiếu cho bị cáo Lê Tấn Đ. Sau khi mua được ma túy, bị cáo Đ cất giấu 0,5515 gam ma túy loại Methamphetamine trên người nhằm mục đích sử dụng thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện và bắt giữ. Khoảng 12 giờ 50 phút ngày 12/6/2023, lực lượng Công an khám xét phòng khách sạn số 08, khách sạn Â1 của Bùi Văn T thuê ở phát hiện thu giữ được 3,1686 gam ma túy loại Methamphetamine của T cất giấu nhằm mục đích bán lại cho người khác. Hành vi trên của bị cáo Bùi Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và tội " Mua bán trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Hành vi trên của bị cáo Lê Tấn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 03/CT-VKSBC ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo điểm a, b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Lê Tấn Đ về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất mức độ tội phạm: Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước, nguyên nhân làm các tội phạm khác nảy sinh, gây nguy hại cho xã hội, mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo T nhận thức được hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý và mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật; bị cáo Đ nhận thức được hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, Hội đồng xét xử cần xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm bằng hình phạt tù có thời hạn mới có tác dụng răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Tuy nhiên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Lê Tấn Đ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đó là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Bùi Văn T và bị cáo Lê Tấn đ có nhân thân xấu.

[7] Các bị cáo phải chấp hành mức hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

[8.1] Đối với 01 bì thư niêm phong ghi số 322/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Bùi Văn T, chữ ký người chứng kiến Lê Thị Bé C2, Lư Quốc B, chữ ký cán bộ niêm phong Bùi Trung C3, đại úy Phạm Văn T3 (Phó trưởng công an) và hình dấu tròn đỏ của công an phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo kết luận giám định số 322/KL-KTHS (MT) ngày 20/6/2023). Xét, đây là vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

[8.2] Đối với 01 bì thư niêm phong ghi số 323/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Lê Tấn Đ, chữ ký người chứng kiến Hồ Thị Thu T1, chữ ký cán bộ niêm phong Lưu Công Dũng, Trung tá Hà Trọng Â (Trưởng công an) và dấu tròn đỏ của công an phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo kết luận giám định số 323/KL-KTHS (MT) ngày 20/6/2023). Xét, đây là vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy;

[8.3] Đối với 01 bộ sử dụng ma túy của bị cáo Bùi Văn T. Xét, đây là công cụ để sử dụng ma túy cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

[8.4] Đối với 01 sim số 0876257942 của bị cáo Lê Tấn Đ, 01 sim số 0963172072 của bị cáo Bùi Văn T dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8.5] Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung A8 của bị cáo Lê Tấn Đ, 01 điện thoại di động hiệu Realme của bị cáo Bùi Văn T. Xét, đây là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách.

[9] Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Lê Thị Bé C2, Hồ Thị Thu T1, Lư Quốc B. Ngày 30/6/2023, Công an thị xã B ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Thị Bé C2, Hồ Thị Thu T1, Lư Quốc B theo quy định về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy là có căn cứ.

[10] Đối với đối tượng tên Đ1 người đã bán ma túy cho bị cáo Bùi Văn T. Quá trình điều tra, không xác định được nhân thân, lai lịch của các đối tượng này. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi có căn cứ sẽ xử lý.

[11] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về tội danh, xử lý vật chứng và điều luật áp dụng là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Xét thấy, riêng mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp. Hội đồng xét xử quyết định xét xử các bị cáo một mức án thấp hơn mức đề nghị của Viện kiểm sát cũng tương xứng với tính chất và hành vi phạm tội của các bị cáo và đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[12] Án phí hình sự: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 106; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; khoản 1 và 4 Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Căn cứ Điều 46; Điều 47 của Bộ luật Hình sự;

- Căn cứ Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm hai tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" và tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tuyên bố bị cáo Lê Tấn Đ phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt:

- Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù về tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Căn cứ điểm khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội mua bán trái phép chất ma túy.

- Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự: Tổng hợp hình phạt buộc bị cáoBùi Văn Toàn phải chấp hành chung cho cả 02 tội là 11 (mười một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2023.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Tấn Đ 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Thời hạn tù tính từ ngày 12/6/2023.

3. Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 322/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Bùi Văn T, chữ ký người chứng kiến Lê Thị Bé C2, Lư Quốc B, chữ ký cán bộ niêm phong Bùi Trung C3, đại úy Phạm Văn T3 (Phó trưởng công an) và hình dấu tròn đỏ của công an phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo kết luận giám định số 322/KL-KTHS (MT) ngày 20/6/2023).

+ 01 (một) bì thư niêm phong ghi số 323/PC09 bên ngoài có chữ ký của người bị bắt Lê Tấn Đ, chữ ký người chứng kiến Hồ Thị Thu T1, chữ ký cán bộ niêm phong Lưu Công Dũng, Trung tá Hà Trọng Â (Trưởng công an) và dấu tròn đỏ của công an phường M, thị xã B, tỉnh Bình Dương (theo kết luận giám định số 323/KL-KTHS (MT) ngày 20/6/2023).

+ 01 (một) bộ sử dụng ma túy;

+ 01 (một) sim số 0876257942 (không kiểm tra được seri);

+ 01 (một) sim số 0963172072 (không kiểm tra được seri);

-Tích thu nộp Ngân sách nhà nước đối với:

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung A8 (điện thoại dị vỡ màn hình, nứt ốp lưng, không kiểm tra được model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được);

+ 01 (một) điện thoại di động hiệu Realme (máy đã qua sử dụng, không kiểm tra được Model, số IMEI, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được);

(Vật chứng nêu trên được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).

4. Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Bùi Văn T, Lê Tấn Đ, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án (ngày 21/02/2024).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt, niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Bến Cát;
- Công an thị xã Bến Cát;
- CCTHA thị xã Bến Cát;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Quang Bảo